

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST

Ngày: 23/8/2023

V/v “T/c hợp đồng ủy quyền;

Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 621/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Định Phú C, xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho anh D: Là Lê Minh K, sinh năm 2001. Địa chỉ ấp Ô Tre Lớn, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Phạm Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

- Ngô Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Văn Phòng công chứng Võ Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, Thị Trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Văn phòng công chứng Công L – Trà Vinh (vắng mặt).

Địa chỉ: 02 Lê Thánh Tôn, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D và lời trình bày của chị Lê Minh K đại diện ủy quyền của anh D như sau:

Vào ngày 03/11/2022 anh D có mua của anh Phạm Văn C 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12 giá 180.000.000 đồng. Khi mua bán anh D đã giao đủ tiền cho anh C và hai bên đến phòng công chứng thực hiện việc mua bán. Lúc ký hợp đồng thì ký vào hợp đồng ủy quyền (anh D ký nhưng không biết). Sau khi ký xong tại Văn phòng công chứng thì ông B và anh C nói đây là hợp đồng mua bán xe đối với chiếc ô tô nêu trên. Anh D cũng đã nhận xe sử dụng từ khi mua bán cho đến nay. Trong quá trình sử dụng anh D không làm thủ tục sang tên được vì anh ký là hợp đồng ủy quyền không phải hợp đồng mua bán. Nên anh D có yêu cầu anh C phải ký lại hợp đồng mua bán để anh D làm thủ tục sang tên thì anh C không đồng ý và nói "hợp đồng ủy quyền như hợp đồng mua bán". Nên anh D làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa giải quyết: Hủy hợp đồng ủy quyền số công chứng 3290, quyền số 04/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại phòng công chứng Võ Văn B. Công nhận hợp đồng mua bán đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12 giữa anh C và anh D.

Phía anh Phạm Văn C Tòa án đã thông báo thụ L, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ L do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của anh D.

Theo lời khai của anh Trương Văn H: Vào ngày 18/8/2022 anh có bán cho anh C chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12 giá 120.000.000 đồng, anh C đã thanh toán đủ tiền cho anh xong. Hai bên ra phòng công chứng thực hiện việc mua bán nhưng phòng công chứng làm thế nào thì anh H không biết, anh chỉ ký tên không có xem nội Dung. Anh H khẳng định chiếc xe là anh bán cho anh C chứ không có ủy quyền gì cả. Anh C bán cho anh D, anh không có ý kiến cũng không tranh chấp. Do anh không liên quan gì trong vụ án này nên yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt anh.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát B ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và

đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ L vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội Dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D. Tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu. Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh D và anh C. Về án phí buộc các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền; Hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Người đại diện cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ L do. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự có mặt tại phiên tòa nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Vào ngày 03/11/2022 anh D và anh C có mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12 giá 180.000.000 đồng. Hai bên đến phòng công chứng Võ Văn B thực hiện hợp đồng mua bán nhưng anh C và phòng công chứng làm thủ tục hình thức ủy quyền anh D ký tên. Đến khi làm thủ tục sang tên không được nên anh đề nghị anh C làm lại hợp đồng mua bán thì anh C không đồng ý làm lại mà cho rằng hợp đồng ủy quyền là có giá trị như hợp đồng mua bán nên anh D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì:

- Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên. Trong đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền chỉ trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Còn hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Anh C đã giao quyền sở hữu là chiếc xe cho anh D và anh D trả 180.000.000 đồng cho anh Phạm Văn C có sự chứng kiến của anh Lê Chí C (người giới thiệu cho anh D và anh C mua bán với nhau). Nên việc mua bán giữa anh D và anh C là có thật. Lẽ ra hai bên thực hiện hợp đồng mua bán nhưng lại thực hiện hợp đồng ủy quyền là không đúng quy định pháp luật.

- Nguồn gốc chiếc xe nêu trên là của ông Trương Văn H bán cho anh C ngày 18/8/2022 giá 120.000.000 đồng, anh C đã thanh toán đủ tiền cho anh H xong. Phòng công chứng làm thế nào thì anh H không biết, anh chỉ ký tên không có xem nội Dung. Anh H khẳng định chiếc xe là anh bán cho anh C chứ không có ủy quyền gì cả. Anh không có tranh chấp hay ý kiến gì về việc anh C bán cho anh D.

Như nhận định ở trên các bên mua bán tài sản nhưng lại không làm hợp đồng mua bán mà là hợp đồng ủy quyền nhằm mục đích trốn thuế là không đúng quy định pháp luật dẫn đến việc anh D sang tên không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh D. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D: Hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh H với anh C; Hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh D với anh C. Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh D và anh C.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Buộc các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430; 124 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 03/11/2022. Bên ủy quyền Trương Văn H, Ngô Thị H, Phạm Văn C. Bên nhận ủy quyền là Nguyễn Văn D tại phòng công chứng Võ Văn B đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12

Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2022. Bên ủy quyền Trương Văn H, Ngô Thị H. Bên nhận ủy quyền là Phạm Văn C tại Văn phòng công chứng Công L – Trà Vinh đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12

Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh D và anh C đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12; Anh D được quyền sử dụng, định đoạt và làm thủ tục sang tên chiếc xe nêu trên theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Văn C nộp 300.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh D nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành số tiền 300.000 đồng, ngày 13/04/2023, biên lai số 0016543.

Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Trần Thị Sang; Thi Thị Thanh Trúc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ L số: 621/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán; Hợp đồng ủy quyền” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Nguyễn Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Định Phú C, xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho anh D: Là Lê Minh K, sinh năm 2001. Địa chỉ ấp Ô Tre Lớn, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Phạm Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Khánh Lộc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Trương Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

- Ngô Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Văn Phòng công chứng Võ Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Văn phòng công chứng Công L – Trà Vinh (vắng mặt).

Địa chỉ: 02 Lê Thánh Tôn, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, B QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh hợp đồng mua bán, hợp đồng ủy quyền và bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất B quyết 3/3

Về tố tụng: Người đại diện cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập xét xử 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ L do. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự có mặt tại phiên tòa nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt đương sự. Hội đồng xét xử thống nhất B quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất B quyết 3/3:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 430; 124 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện. Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận và có ý kiến:

Vào ngày 03/11/2022 anh D và anh C có mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12 giá 180.000.000 đồng. Hai bên đến phòng công chứng Võ Văn B thực hiện hợp đồng mua bán nhưng anh C và phòng công chứng làm thủ tục hình thức ủy quyền anh D ký tên. Đến khi làm thủ tục sang tên không được nên anh đề nghị anh C làm lại hợp đồng mua bán thì anh C không đồng ý làm lại mà cho rằng hợp đồng ủy quyền là có giá trị như hợp đồng mua bán nên anh D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền vô hiệu

- Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên. Trong đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền chỉ trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Còn hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Anh C đã giao quyền sở hữu là chiếc xe cho anh D và anh D trả 180.000.000 đồng cho anh Phạm Văn C có sự chứng kiến của anh Lê Chí C (người giới thiệu cho anh D và anh C mua bán với nhau). Nên việc mua bán giữa anh D và anh C là có thật. Lẽ ra hai bên thực hiện hợp đồng mua bán nhưng lại thực hiện hợp đồng ủy quyền là không đúng quy định pháp luật.

- Nguồn gốc chiếc xe nêu trên là của ông Trương Văn H bán cho anh C ngày 18/8/2022 giá 120.000.000 đồng, anh C đã thanh toán đủ tiền cho anh H xong. Phòng công chứng làm thế nào thì anh H không biết, anh chỉ ký tên không có xem nội dung. Anh H khẳng định chiếc xe là anh bán cho anh C chứ không có ủy quyền gì cả. Anh không có tranh chấp hay ý kiến gì về việc anh C bán cho anh D.

Như nhận định ở trên các bên mua bán tài sản nhưng lại không làm hợp đồng mua bán mà là hợp đồng ủy quyền nhằm mục đích trốn thuế là không đúng quy định pháp luật dẫn đến việc anh D sang tên không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh D. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D: Hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh H với anh C; Hủy hợp đồng ủy quyền giữa anh D với anh C. Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh D và anh C.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất B quyết 3/3:

Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 03/11/2022. Bên ủy quyền Trương Văn H, Ngô Thị H, Phạm Văn C. Bên nhận ủy quyền là Nguyễn Văn D tại phòng công chứng Võ Văn B đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12

Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2022. Bên ủy quyền Trương Văn H, Ngô Thị H. Bên nhận ủy quyền là Phạm Văn C tại Văn phòng công chứng Công L – Trà Vinh đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đồ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12

Công nhận hợp đồng mua bán giữa anh D và anh C đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI thuộc loại xe tải tự đồ, màu xanh, số máy F10ID735331, số khung A21TJV203107, biển số 84C-070.12; Anh D được quyền sử dụng, định đoạt và làm thủ tục sang tên chiếc xe nêu trên theo quy định pháp luật.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất B quyết 3/3:*

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn nộp theo quy định pháp luật
- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật
- Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Sang Thi Thị Thanh Trúc

Đỗ Thị Thu Hằng